

Bản án số: 166/2023/DS-ST

Ngày: 13-6-2023

*V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

2. Ông Nguyễn Trung Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1971

Địa chỉ: 71/10 đường số 3, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985

Địa chỉ: 606/188 Đường I, Phường K, Quận L, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong kiện đơn khởi ngày 01 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Y trình bày:

Vào ngày 25/6/2020 bà Y cho ông Nguyễn Văn L vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền với thời hạn vay là 06 (sáu) tháng kể từ ngày 25/6/2020. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 7.500.000 đồng/tháng. Sau khi nhận tiền vay, bốn tháng đầu ông L trả đủ lãi, sau đó ông L ngưng không trả lãi cũng như không trả tiền gốc cho đến nay.

Để làm tin, ông L đã giao cho bà Y các giấy tờ bản chính bao gồm:

- Một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên bà Hứa Thi H và ba hợp đồng ủy quyền giữa bà Hứa Thị H và ông Nguyễn Văn Q cho ông Lê Văn D số công chứng 21116, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/6/2018 của Văn phòng công chứng Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Một vi bằng số 8444/2019/VB-TPL ngày 11/7/2019 của Văn phòng Thừa phát lại huyện Hóc Môn.

Bà Y khai, bà không biết bà Hứa Thi H, ông Nguyễn Văn Q và ông Lê Văn D là ai. Bà chỉ nghe ông L nói do các lô đất trên ông L mua chung nên được giữ bản chính. Bà chỉ giữ để làm tin khi cho ông L vay tiền, bà không yêu cầu gì liên quan đến các giấy tờ bản chính này.

Tại phiên tòa, bà Y thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền gốc và tiền lãi. Theo đó, bà Y yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 20%/năm kể từ ngày 25/6/2020 đến ngày Tòa án xét xử vụ án, số tiền lãi bà Y đã thu vượt quá trong 04 tháng đầu bà Y đề nghị trừ vào số tiền gốc và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc sau khi căn trừ số tiền lãi đã thu vượt quá lãi suất 20%/năm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông L không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng. Tiền lãi đề nghị Hội đồng xét xử tính lại theo quy định của pháp luật.

Đối với các giấy tờ bản chính do không có ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa bà Y và ông L là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Nguyễn Văn L có địa chỉ cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét thấy, giấy vay tiền ngày 25/6/2020 với số tiền vay là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng là chứng cứ bà Y nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Ông L cũng đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Tuy nhiên, ông L vắng mặt trong quá trình Tòa tiến hành tố tụng và không có văn bản phản đối chứng cứ do bà Y đưa ra nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà bà Y nộp cho Tòa án để xét xử vụ án.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc sau khi cắt trừ số tiền lãi đã thu vượt quá lãi suất 20%/năm trong 04 tháng đầu:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 25/6/2020 có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn L có vay của bà Y số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, ông L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Y trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày 25/6/2020, như vậy ngày ông L có nghĩa vụ trả nợ cho bà Y là 25/12/2020.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Mặc dù các bên thỏa thuận ông L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Y trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày 25/6/2020, nhưng cho đến nay ông L cũng không thực hiện bất kỳ đợt thanh toán nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận.

Tại giấy vay tiền, các đương sự thỏa thuận mỗi tháng ông L có nghĩa vụ trả cho bà Y 7.500.000 đồng tiền lãi, như vậy tiền lãi tương đương 3%/tháng, 36%/năm.

Tại Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: Lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm. Nếu lãi suất thỏa thuận vượt quá mức lãi suất giới hạn thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Như vậy, phần lãi suất vượt quá là 16%/năm mà bà Y và ông L thỏa thuận không có hiệu lực. Bà Y thừa nhận

ông L đã trả cho bà Y bốn tháng tiền lãi với số tiền là 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử tính lại lãi với mức lãi suất 20%/năm thì số tiền lãi ông L phải trả cho bà Y trong vòng 04 tháng kể từ ngày 25/6/2020 đến ngày 25/10/2020 là 16.700.000 đồng. Như vậy số tiền lãi ông L đã trả vượt quá quy định của pháp luật trong vòng bốn tháng là 13.300.000 đồng. Theo quy định tại Điều 9 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì số tiền này sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc, cụ thể: 250.000.000 đồng - 13.300.000 đồng = 236.700.000 đồng.

Như vậy, ông L chỉ có nghĩa vụ trả cho bà Y số tiền nợ gốc là 236.700.000 đồng. Yêu cầu của Nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền gốc sau khi trừ số tiền lãi đã thu vượt quá là có căn cứ nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu trả nợ lãi:

Tại phiên tòa, bà Y thay đổi yêu cầu và chỉ yêu cầu ông L trả tiền lãi với lãi suất là 20%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như nhận định ở trên, ông L có nghĩa vụ trả cho bà Y số tiền nợ gốc là 236.700.000 đồng. Như vậy, tiền lãi chỉ được tính trên số tiền nợ gốc là 236.700.000 đồng, cụ thể tiền lãi ông L phải trả cho bà Y như sau:

$236.700.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 31 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 125.043.087 \text{ đồng}$

- Đối với các giấy tờ bản chính gồm: Một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên bà Hứa Thị H và ba hợp đồng ủy quyền giữa bà Hứa Thị H và ông Nguyễn Văn Q cho ông Lê Văn D số công chứng 21116, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/6/2018 của Văn phòng công chứng Đức Hòa, tỉnh Long An và một vi bằng số 8444/2019/VB-TPL ngày 11/7/2019 của Văn phòng Thừa phát lại huyện Hóc Môn: Do bà Y không có yêu cầu gì liên quan đến các giấy tờ này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp về các giấy tờ trên thì các đương sự khởi kiện thành vụ án khác.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 9 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn L trả cho bà Trần Thị Y số tiền 361.743.087 (ba trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi ba ngàn, không trăm tám mươi bảy) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 236.700.000 đồng, tiền lãi là 125.043.087 đồng).

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: 18.087.154 (mười tám triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, một trăm năm mươi bốn) đồng, ông Nguyễn Văn L chịu.

Bà Trần Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.600.000 (mười triệu sáu trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0019242 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày: Đối với bà Y kể từ ngày tuyên án; đối với ông L kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan

